

VỀ PHƯƠNG PHÁP LUẬN NGHIÊN CỨU VĂN HÓA VÀ CON NGƯỜI

HỒ SI QUÝ(*)

Bài viết đề cập và gợi mở nhiều vấn đề liên quan đến phương pháp luận nói chung, phương pháp luận nghiên cứu văn hoá và con người nói riêng. Cụ thể là, tác giả đã đưa ra những ý kiến trao đổi xoay quanh hệ vấn đề: khái niệm phương pháp luận, phương pháp luận nghiên cứu văn hoá, phương pháp luận nghiên cứu con người, phương pháp luận nghiên cứu phức hợp, phương pháp luận về khái niệm người Việt, phương pháp luận về tính cách dân tộc nhằm góp phần vào việc nghiên cứu văn hoá và con người một cách đầy đủ hơn, hiệu quả hơn.

I. Về khái niệm phương pháp luận

1. Thực tiễn nghiên cứu văn hóa và con người ở nước ta trong vài chục năm gần đây cho thấy, thông thường, nói đến phương pháp luận, các nhà nghiên cứu thường nghĩ ngay đến những phương pháp luận đã được các nhà tư tưởng, các học thuyết, các quan điểm có uy tín... đề xướng và hoàn thiện ở mức độ nhất định. Công việc của những người nghiên cứu tiếp theo, do vậy, chỉ là lựa chọn và ứng dụng. Trên thực tế, những phương pháp luận đó chưa phải là tất cả, mà mới chỉ là một phần của những phương pháp luận cần phải có. Theo chúng tôi, phương pháp luận đã có, dấu rằng rất quan trọng, rất căn bản nhưng vẫn chưa đủ để giải quyết toàn bộ những vấn đề đặt ra đòi hỏi phải được định hướng về mặt phương pháp luận. Còn có những phương pháp luận khác, tạm gọi là *phương pháp luận cần được xây dựng*, đã và đang xuất hiện trong không ít công trình nghiên cứu, phân biệt tương đối rạch ròi với những phương pháp luận đã có. Tuy nhiên, do các công trình nghiên cứu lâu nay không buộc phải giải quyết sự khác biệt giữa hai loại phương pháp luận này, nên có thể vì thế mà không mấy ai chú ý để phân biệt.

2. Trước khi đi vào những vấn đề cụ thể, chúng tôi thấy cần thiết phải đề cập đến khái niệm *phương pháp luận*, vì theo

chúng tôi, hiện vẫn có tình trạng hiểu không giống nhau về khái niệm này.

Trong số các định nghĩa khái niệm *phương pháp luận* mà chúng tôi được biết, chúng tôi xin chọn 3 định nghĩa vẫn được sử dụng nhiều và có thể coi là có uy tín hơn cả, để phân tích nội hàm và cấu trúc khái niệm. Đó là định nghĩa của *Từ điển bách khoa triết học*, Nga (1989), *Từ điển triết học giản yếu* (1987) và định nghĩa của Edgar Morin (1986)(1). Cả 3 định nghĩa này đều

(*) Phó giáo sư, tiến sĩ, Viện trưởng Viện Thông tin khoa học xã hội, Viện Khoa học xã hội Việt Nam.

(1) - Định nghĩa của *Từ điển bách khoa triết học*, Nga: "Phương pháp luận (theo) là hệ thống những nguyên tắc và phương thức tổ chức và triển khai các hoạt động lý thuyết và thực tiễn, cũng đồng thời là học thuyết về chính hệ thống những nguyên tắc và phương thức đó". (*Философский Энциклопедический Словарь* (1989). Изд. Советская Энциклопедия. М., Спиркин, А.Г.Юдин, Э.Г.Ярошевский, М.Г., *Методология*. Стр. 361).

- Định nghĩa của *Từ điển triết học giản yếu*, 1987: "Phương pháp luận là lý luận về các phương pháp nhận thức và cái tạo hiện thực, - hệ thống chặt chẽ các quan điểm, nguyên lý chỉ đạo việc tìm kiếm, xây dựng lựa chọn và vận dụng các phương pháp. Trong số các nguyên lý ấy, quan trọng nhất là 1. Các nguyên lý thể giới quan... 2. Các nguyên lý chung về cách xem xét, nghiên cứu sự vật, các nguyên tắc chung về việc vận dụng các phương pháp, về sự sử dụng tài liệu, sự kiện... trong một ngành khoa học nhất định... 3. Lý luận về bản thân các phương pháp..." (Hữu Ngọc, Lê Hữu Tấn, Dương Phú Hiệp (1987). *Từ điển triết học giản yếu*, Nxb Đại học và Trung học chuyên nghiệp, Hà Nội, tr. 375).

đưa ra cách hiểu giống nhau về *nội hàm* và *cấu trúc* của khái niệm *phương pháp luận*. Tuy nhiên, nếu nghiên cứu kỹ sẽ thấy ở đó vẫn có những điểm chưa thực sự thuyết phục. Chúng tôi xin tổng hợp cách hiểu của cả 3 định nghĩa này như sau:

Phương pháp luận là:

- Hệ thống lý luận về các *phương pháp* nhận thức và hoạt động thực tiễn.
- Hệ thống các *quan điểm*, các *nguyên tắc* tìm kiếm, xây dựng, lựa chọn và vận dụng các *phương pháp* nhận thức và hoạt động thực tiễn.

Bao gồm:

- Các *nguyên tắc thế giới quan*.
- Các *nguyên tắc sử dụng phương pháp* cho một ngành khoa học, một lĩnh vực nhận thức và hoạt động.
- Lý luận về bản thân *phương pháp*.

Theo cách hiểu trên, với một đối tượng cụ thể, cái đóng vai trò *phương pháp luận* cho nhận thức hoặc cho hoạt động thực tiễn, trước hết là *lý luận về phương pháp* (định nghĩa nào về phương pháp luận cũng bắt đầu bằng một câu khó hiểu - “phương pháp luận là lý luận về phương pháp”). Thực ra, với một đối tượng (của nhận thức hoặc hoạt động thực tiễn) cụ thể, thì “lý luận về phương pháp” với tính cách một thành phần của phương pháp luận chỉ có thể được hiểu là *hệ thống các quan điểm, các nguyên tắc để tìm kiếm, xây dựng, lựa chọn và vận dụng phương pháp*. Nếu hiểu *lý luận về phương pháp* quá rộng, chẳng hạn, mọi sự bàn luận lý thuyết về phương pháp, thì sự bàn luận đó thật khó đóng vai trò là phương pháp luận được. Một nội dung quan trọng khác của khái niệm phương pháp luận là các *nguyên tắc - các nguyên tắc* (có tính chất) *thế giới quan* để nhận thức và hoạt động thực tiễn và các *nguyên tắc sử dụng phương pháp* ở một đối tượng cụ thể.

Sau đây, chúng tôi xin đề cập đến một số vấn đề đã và vẫn đang được coi là vướng mắc đối với các nhà nghiên cứu về phương pháp luận trong nghiên cứu văn hóa và con người.

II. Về phương pháp luận nghiên cứu văn hóa

1. Như đã quy ước ở trên, phương pháp luận đã có là những phương pháp luận đã được các nhà tư tưởng, các học thuyết, các quan điểm có uy tín... đề xướng và hoàn thiện ở mức độ nhất định. Việc nghiên cứu và phát triển văn hóa ở nước ta trong khoảng hai chục năm gần đây đã sử dụng hai loại phương pháp luận chủ yếu: *phương pháp luận coi văn hóa là sản phẩm của hoạt động* và *phương pháp luận coi văn hóa là nhân tố bên trong của sự phát triển xã hội*. (Thực ra, khi nói *văn hóa là sản phẩm của hoạt động* hay *văn hóa là nhân tố bên trong của sự phát triển xã hội*, người ta có thể hiểu ở hai trình độ: trình độ thế giới quan và trình độ phương pháp luận. Ở đây, chúng tôi chỉ bàn đến trình độ thứ hai). Mặc dù hai loại phương pháp luận này có những điểm không tương dung với nhau, thậm chí trái ngược nhau, nhưng trên thực tế, chúng đã cùng tồn tại bên cạnh nhau trong đời sống hoạt động khoa học ở nước ta.

2. Trước đó, văn hóa được nghiên cứu chủ yếu theo thế giới quan và phương pháp luận mácxít. Mà lý luận mácxít, như ta đã

- Định nghĩa của Edgar Morin, 1986: “Phương pháp luận là những hướng dẫn có sẵn (A Priori, tiên thiên - H.S.Q.) để chương trình hoá những nghiên cứu, trong khi phương pháp toát lên từ đường đi sẽ là một sự giúp sức cho chiến lược (đúng là chiến lược sẽ mang một cách hữu ích những mảng chương trình hóa, nghĩa là có tính chất *phương pháp luận*, nhưng cũng nhất thiết mang theo cả sự khám phá và cách tân)”. (Morin, Edgar (2006). *Phương pháp 3. Tri thức về tri thức*. Nxb Đại học Quốc gia. Hà Nội, tr. 53).

biết, rất ít bàn đến văn hoá. (Trong các tác phẩm kinh điển, chỉ có vài lần C.Mác và Ph.Ăngghen trực tiếp nhắc đến thuật ngữ *văn hóa*. Điều này cũng dễ hiểu, bởi ở thời các ông, *văn hóa học* chưa xuất hiện, còn khái niệm *văn hóa* thì vẫn chưa hoàn toàn tách khỏi *văn minh*(2) và thuật ngữ *culture* đôi khi vẫn được hiểu là *trồng trọt, gieo trồng*(3). Khi đó, văn hóa chưa phải là đối tượng cấp thiết phải bàn luận như sau này. Hơn thế nữa, các nhà kinh điển mácxít không đặt cho mình nhiệm vụ lý luận về văn hóa). Do vậy, văn hóa, khi được các nhà lý luận mácxít hậu thế quan tâm (chủ yếu là các nhà nghiên cứu Xô viết, khoảng từ cuối những năm 60 của thế kỷ XX) thì trên thực tế, nó chỉ còn được xem là một dạng của hoạt động người và phần lớn những thành tố của văn hóa được nghiên cứu là thuộc về cấu trúc của ý thức xã hội, nghĩa là được quy định bởi sự tồn tại xã hội. Nên lưu ý rằng, văn hóa trong lý luận mácxít chủ yếu được nghiên cứu và triển khai theo cách tiếp cận hoạt động. Cách tiếp cận này chủ trương gắn toàn bộ đời sống phức tạp của con người với hoạt động, giải thích xã hội theo quan điểm duy vật lịch sử - nghĩa là, nói một cách giản đơn, mọi sự biến xã hội, xét đến cùng, là từ nguyên nhân thuộc về đời sống vật chất xã hội và nền sản xuất xã hội. *Sản xuất vật chất là cơ sở, là nền tảng của toàn bộ đời sống xã hội* - nguyên lý đầu tiên và quan trọng này của chủ nghĩa duy vật lịch sử hiện vẫn được ghi rõ trong hầu hết các sách giáo khoa mácxít về triết học. Như vậy, có thể thấy, *văn hóa* như cách hiểu hiện nay, trước những năm 90 không được sử dụng ở Việt Nam. Dĩ nhiên, tiếp cận hoạt động và quan điểm duy vật lịch sử trong nghiên

cứu văn hóa là rất cơ bản, có thể mạnh của nó vì ngày nay, nó vẫn được không ít học giả đề cao. Nhưng đó không phải là tất cả.

3. Điều thú vị là, từ cuối những năm 80 của thế kỷ trước, khi tiếp thu những hạt nhân hợp lý trong quan niệm về văn hóa của phương Tây, đặc biệt là khi tham gia *Thập kỷ quốc tế về văn hóa trong phát triển* (1987 - 1996) do UNESCO phát động, ở Việt Nam, một quan điểm mới với phương pháp luận mới về vai trò của văn hóa và nhân tố văn hóa đã được ứng dụng. Không bao lâu sau, trong các văn kiện chính thức của Đảng và Nhà nước ta đã ghi rõ: "Văn hóa là nền tảng tinh thần của xã hội, vừa là mục tiêu, vừa là động lực thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội"(4).

Trên thực tế, quan điểm coi văn hóa như một *cấu trúc nằm ở tầng sâu đời sống xã hội, quy định toàn bộ hoạt động xã hội* là lý luận được đặt ra từ Max Weber với phương pháp luận riêng là đề cao vai trò của các nhân tố văn hóa. Theo đó, văn hóa không chỉ là sản phẩm của đời sống xã hội mà căn bản hơn, còn là nền tảng sâu xa quy định toàn bộ sự phát triển của đời sống xã hội. M.Weber đã dùng lý luận của mình để giải thích khá thành công vai trò của văn hóa Tin lành đối với sự hình thành và phát triển của chủ nghĩa tư bản châu Âu. Trước kia, M.Weber bị giới lý luận Xô viết định

(2) Trong *Primitive Culture*, 1871, E.B.Tylor đã coi "Văn hóa" đồng nghĩa với "Văn minh". Xem: Э.Б.Тайлор. *Первобытная Культура*, Политиздат, Москва, 1989, стр. 18.

(3) Trong thư gửi Ph.Ăngghen 25/3/1868, C.Mác dùng chữ "culture" với nghĩa là trồng trọt. Xem: C.Mác và Ph.Ăngghen. *Toàn tập*, t.32. Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1997, tr. 80.

(4) Đảng Cộng sản Việt Nam. *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII*. Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1996, tr. 29.

kiến và do đó, tên ông, thậm chí cũng không được nhắc tới ở Việt Nam(5).

Trong tiến trình đổi mới, với việc hưởng ứng *Thập kỷ quốc tế về văn hóa trong phát triển* của UNESCO, mà điểm cốt lõi là đề cao nhân tố văn hóa trong phát triển, coi trọng việc bảo vệ bản sắc dân tộc - “hạt nhân sống còn của mỗi nền văn hóa”, giới lý luận Việt Nam đã cùng với các nhà lý luận thế giới ứng dụng phương pháp luận do M.Weber đề xướng và giải thích tương đối thuyết phục về sự trỗi dậy của bốn con rồng châu Á trên cơ sở những nét đặc thù của văn hóa Nho giáo truyền thống(6). Các giá trị văn hóa Nho giáo, các quan niệm truyền thống về đề cao nhân tố con người, quả thật, đã đóng vai trò như những nhân tố không thể thiếu làm cho các nước NICs đạt tới “nhịp điệu rồng” của sự tăng trưởng.

4. Như vậy, điều cực kỳ có ý nghĩa mà lý luận nói riêng và toàn bộ đời sống tinh thần xã hội nói chung ở Việt Nam có được trong những năm đầu thời kỳ đổi mới là một quan niệm mới với phương pháp luận của nó về văn hóa. Bổ sung cho cách nhìn văn hóa như một sản phẩm của nền sản xuất xã hội, văn hóa đã được xem là nhân tố bên trong, quy định và tác động (có khả năng thúc đẩy hoặc kìm hãm) sự phát triển kinh tế - xã hội. Đây rõ ràng là một quan điểm rộng rãi hơn, mềm dẻo hơn và hợp lý hơn, nhất là với Việt Nam, một dân tộc có bề dày văn hóa truyền thống. Thực ra, từ rất sớm, vào những năm 40 của thế kỷ XX, chính lãnh tụ Hồ Chí Minh đã có quan niệm mềm dẻo và hợp lý như thế về văn hóa(7). Thậm chí, định nghĩa về văn hóa của Hồ Chí Minh còn khúc chiết và tường minh không thua kém bất kỳ một định nghĩa nổi tiếng nào khác(8).

III. Về phương pháp luận nghiên cứu con người

1. Xung quanh phương pháp luận nghiên cứu và phát triển con người cũng có tình trạng tương tự. Trước đây, con người cũng là một đối tượng được đặc biệt quan tâm, nhưng trên thực tế, do bị chi phối bởi các lý thuyết không thật tối ưu (có nguồn gốc từ các nhà lý luận Xô viết), nên nói đến con người, người ta thường chỉ hiểu đó là con người xã hội; nghĩa là con người trong các quan hệ nhóm, tập thể, cộng đồng, giai cấp, dân tộc, tổ quốc... Quyết định diện mạo con người, gần như không ai bàn đến vai trò của nhân tố cá nhân, cá thể, huyết tộc, nòi giống... Về mặt phương pháp luận, tất cả mọi hiện tượng phong phú, phức tạp ở mỗi cá thể và cá nhân với nhân cách riêng biệt của nó đều được giải thích bằng các nguyên nhân xã hội. Sự chi phối của các đặc tính sinh học đến bản tính, bản chất và nhân cách con người hầu như không được chú ý. Cách nhìn lệch lạc như vậy thường được biện minh bằng việc dẫn ra các tư tưởng kinh điển: “Hoạt động sống của con người như thế nào thì họ là như thế ấy”(9). “Trong tính hiện thực của nó,

(5) Xem: M.Weber. *The Protestant Ethic and the Spirit of Capitalism*. Routledge Classics. London & NewYork, 2002; Joachim Matthes. *Một số vấn đề lý luận và phương pháp luận nghiên cứu con người và xã hội*. KX.07 xuất bản, 1994, Hà Nội.

(6) Xem: Văn hóa trong phát triển và toàn cầu hóa. *Kỷ yếu hội thảo khoa học tại Hà Nội, Tokyo và Noongkhai*. Hà Nội, 1996; Phạm Xuân Nam. *Văn hóa và phát triển*. Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, 2005; Phan Ngọc. *Bản sắc văn hóa Việt Nam*. Nxb Văn học, Hà Nội, 2002; *Văn hóa - phát triển - bản sắc*, Chương trình KX.06 xuất bản, Hà Nội, 1995.

(7) Xem: Đặng Xuân Kỳ (chủ biên), *Tư tưởng Hồ Chí Minh về phát triển văn hóa và con người*. Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2005.

(8) Xem: Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, t.3, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2000, tr. 431.

(9) C.Mác và Ph.Ăngghen. *Toàn tập* t.3, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1995, tr.30.

bản chất con người là tổng hòa các quan hệ xã hội”(10).

Vào thời đó, con người chủ yếu được xem xét như một sản phẩm của hoàn cảnh, còn việc xây dựng con người thì lại bị gò ép trong những tiêu chuẩn đẹp nhưng khuôn sáo(11). Những tiêu chuẩn về đạo đức, về trách nhiệm xã hội chiếm phần lớn bảng tiêu chuẩn phát triển con người.

2. Về mặt phương pháp luận, còn có một nguyên nhân khác khiến vấn đề con người bị hạn chế trong nghiên cứu và lý giải: trước kia, con người được xem xét chỉ trong một vài góc nhìn khuôn thước. Ai cũng biết con người là đối tượng phức tạp, đa diện và độc đáo, song mọi kiến giải về con người dựa trên tâm linh, tôn giáo, tiềm thức, ngoại cảm và thậm chí, cả những phát hiện lạ về đặc trưng sinh học đều không được chú ý và bị bỏ qua một cách định kiến. Nhiều năm, con người thuần túy chỉ được xem xét trong các chuyên ngành gần như tách biệt với nhau. Dĩ nhiên, vấn đề quá khó khi phải tiếp cận con người theo đủ mọi chiều cạnh. Nhưng khó không có nghĩa là logic bên trong của việc nghiên cứu con người cho phép bỏ qua các khía cạnh đó. Thực ra, nghiên cứu xã hội học về con người ở ta xuất hiện muộn. Còn muộn hơn nữa là những nghiên cứu liên ngành, đa ngành... Mãi tới gần đây, người ta mới bàn đến nghiên cứu phức hợp (Complex Research), khoa học sự sống (Life Sciences), lý thuyết sáng tạo (Creativity), nhân học (Anthropology); mà bàn là một chuyện còn thực tế có triển khai nghiên cứu con người theo các phương thức đó hay không lại là chuyện khác. Một số định kiến đè nặng lên con người (chẳng hạn định

kiến về doanh nhân và “con buôn”, về trí thức và địa vị xã hội của nó, về quan niệm bóc lột và làm thuê, v.v.) hiện vẫn chưa được gỡ bỏ.

3. Cần khẳng định rằng, trong khi đem lại sinh khí cho toàn bộ đời sống xã hội ở nước ta, sự nghiệp đổi mới cũng thổi luồng gió mới vào lĩnh vực nghiên cứu con người.

Trong quá trình đó, Việt Nam đã tiếp thu được những giá trị hợp lý từ khoa học bên ngoài, đặc biệt là quan điểm về nhân tố con người và vị trí của con người trong sự phát triển. Luận điểm coi *con người là động lực, là mục tiêu của sự phát triển* đã được khẳng định trong các văn kiện quan trọng của Đảng và Nhà nước ta(12). Năm 1995, Việt Nam bắt đầu có mặt trong Báo cáo của UNDP về phát triển con người. Năm 2001, Việt Nam công bố *Báo cáo quốc gia về phát triển con người*. Xu hướng nghiên cứu định lượng về phát triển con người được chú ý ngay cả ở phạm vi các địa phương (tỉnh, thành phố). Quan điểm coi *con người chiếm vị trí trung tâm* dần trở nên phổ biến. Với quan điểm này, con người đóng vai trò quyết định ở cả “đầu vào” lẫn “đầu ra” và trong toàn bộ quá trình phát triển; đồng thời, một tư tưởng truyền thống Việt Nam - *con người là nguyên nhân cuối cùng của mọi thất bại, là cơ sở sâu xa của mọi thành công*, cũng có chỗ đứng của nó.

(10) C. Mác và Ph. Ăngghen *Sđd.*, t.3, tr.11.

(11) Xem: Phạm Như Cương (chủ biên). *Về vấn đề xây dựng con người mới*. Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, 1978.

(12) Xem: Đảng Cộng sản Việt Nam. *Chiến lược ổn định và phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2000*. Nxb Sự thật, Hà Nội, 1991, tr. 8.

4. Như vậy, *con người là sản phẩm của hoàn cảnh*, hóa ra, chỉ là công đoạn cuối cùng của toàn bộ quá trình phát triển con người. Với trường hợp bốn con rồng châu Á trở dậy thành công thì *văn hóa và con người* ở đây không phải chỉ là sản phẩm của hoàn cảnh nữa, mà còn là một sức mạnh nội sinh tiềm ẩn trong lòng các xã hội đó. Muốn kích hoạt để xã hội có thể tiến lên được thì đòi hỏi phải có phương pháp luận tôn trọng nhân tố con người và nhân tố văn hóa. Đúng là “con người tạo ra hoàn cảnh đến mức nào thì hoàn cảnh cũng tạo ra con người đến mức ấy”(13). Nhưng trên thực tế, tư tưởng coi *con người chiếm vị trí trung tâm của sự phát triển* đã được đúc rút thành những phương pháp luận có ý nghĩa rất tích cực đối với sự nghiệp đổi mới và cũng là với sự phát triển đất nước trong mấy thập niên qua.

IV. Về phương pháp luận nghiên cứu phức hợp

1. Như đã nói ở trên, logic bên trong của việc nghiên cứu con người không cho phép bỏ qua các khía cạnh, các hiện tượng, các chỉ báo, các thông tin... ngoài khoa học. Tức là các dữ kiện mà đến nay khoa học vẫn chưa đủ sức xác nhận đúng hay sai, hoặc đơn giản hơn là chức năng riêng của từng khoa học không có trách nhiệm phải nghiên cứu những dữ kiện đó. Bởi vậy, mới xuất hiện phương án nghiên cứu phức hợp (Complex Research) về con người, nhưng lại gặp phải vấn đề khó khăn về mặt phương pháp luận: khoa học có được phép dung nạp, sử dụng các dữ kiện ngoài khoa học, thậm chí phi khoa học hay không?

Thực ra, vấn đề mới chỉ đặt ra về mặt lý thuyết hoặc cho các nền khoa học có trình

độ cao. Còn với Việt Nam, có thể thấy, khoa học xã hội và nhân văn ở ta đến nay mới chỉ triển khai nghiên cứu liên ngành chứ chưa hề có nghiên cứu phức hợp về con người (có người nghĩ rằng ở Việt Nam đã có nghiên cứu phức hợp về con người, nhưng theo chúng tôi, thực tế ta chưa tổ chức được một quy trình nghiên cứu như vậy).

2. Bản chất của nghiên cứu phức hợp về con người dựa trên quan niệm (có nguồn gốc từ I.Kant) cho rằng, các khoa học (đã có) với hệ thống khái niệm, phạm trù, phương pháp và quy luật của nó, cho dù rất hữu hiệu, nhưng vẫn không đủ để giải phẫu những bí ẩn ở con người. Trong khi đó, những phương thức ngoài khoa học, như văn học, nghệ thuật, tôn giáo, nghiên cứu tiềm thức và vô thức... lại gợi mở rất nhiều, thậm chí đôi khi còn đưa lại những kết quả thuyết phục, mặc dù chúng vẫn thường bị xem là không đạt *tiêu chuẩn logic và thực chứng* (positive) để trở thành công cụ khám phá con người theo quan điểm khoa học. Đối mặt với thực tế này, từ những năm 70 của thế kỷ XX, các nhà khoa học Xô viết và Pháp đã đặt vấn đề phải nghiên cứu phức hợp về con người. Nghiên cứu phức hợp sẽ là phương thức cho phép những khám phá ngoài khoa học để việc nhìn nhận con người trở nên hoàn chỉnh hơn.

Muốn khoa học sử dụng được những dữ kiện ngoài khoa học, trước hết, một phương pháp luận mới với những nguyên tắc *rộng hơn, mở hơn* cần phải được xây dựng. Tuy nhiên, đến nay, việc xây dựng phương pháp luận này vẫn đang gặp rất nhiều khó khăn.

3. Liên quan đến việc xây dựng phương

(13) C.Mác và Ph.Ăngghen. *Toàn tập*, t.3. Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1995, tr. 55.

pháp luận mới nói trên, cần lưu ý rằng, trong khoa học xã hội, xưa nay người ta vẫn cho rằng, mục đích tối cao của khoa học là tìm ra các quy luật, hay các khuynh hướng, xu hướng có tính quy luật. Điều thú vị là trong nghiên cứu văn hóa và con người, có một kiểu nghiên cứu ngược lại đã thịnh hành ở phương Tây nhưng ít được biết đến ở Việt Nam(14). Với kiểu nghiên cứu này, mục đích của việc nghiên cứu không nhất thiết phải (hay chủ yếu) là tìm ra các quy luật, các khuynh hướng, xu hướng chung. Điều quan trọng là phải vạch ra được những nét đặc thù, độc đáo, dị biệt hay những bản sắc riêng. Nếu ứng dụng cách thức này vào nghiên cứu con người Việt Nam, thì rõ ràng việc phát hiện ra những nét đặc thù, những hiện tượng dị biệt, những bản sắc riêng của văn hóa và con người ở các vùng miền, các dân tộc, các vùng văn hóa... có thể sẽ quan trọng hơn việc tìm ra những quy luật chung. (Vả lại, những quy luật chung, phổ biến của đời sống văn hóa và con người, thì khoa học thế giới đã có những phát hiện rất căn bản). Theo chúng tôi, điều này rất quan trọng về mặt phương pháp luận đối với việc nghiên cứu văn hóa và con người. Nếu khoa học nhất thiết phải tìm ra quy luật chung cho các hiện tượng mà nó nghiên cứu, thì việc phát hiện ra những nét độc đáo, các hiện tượng đặc thù, những bản sắc riêng... sẽ được xếp vào lôgic nào của sự sáng tạo khoa học? Phải chăng chúng sẽ là phổ biến, là quy luật cho các hiện tượng đặc thù hơn, độc đáo hơn?

V. Phương pháp luận về khái niệm người Việt

1. Nghiên cứu con người Việt Nam đã có lịch sử hàng trăm năm, nếu tính từ khi người phương Tây khám phá nền văn hóa này để phục vụ cho mục đích của họ. Nhưng đến nay, khái niệm *con người Việt Nam* thật ra vẫn chưa xác định. Trong nhiều tài liệu, khái niệm này thường được gọi là “người Việt”. Cách gọi chung chung như vậy cho phép ngầm hiểu tất cả các dân tộc trên đất Việt Nam cũng như những ai gốc Việt đang sống ở nước ngoài đều là người Việt. Trong chừng mực đó, ở khái niệm này có những điều chấp nhận được và cũng có những điều bất hợp lý. Chẳng hạn, nếu gọi người Mường và người Tày, người Dao và người H'Mông, người Giarai và người Êđê... là người Việt thì việc sử dụng khái niệm này chưa nảy sinh vấn đề gì cần phải thảo luận. Nhưng với các cộng đồng có nguồn gốc từ bên ngoài mà cũng gọi là người Việt thì tình huống bắt đầu có vấn đề. Với người Việt ở nước ngoài cũng có tình trạng tương tự. Chẳng hạn, người Việt ở Mỹ, ở Australia, ở Pháp... thế hệ thứ nhất, tức là thế hệ được sinh ra tại Việt Nam, thì dù mang quốc tịch nào cũng vẫn có thể gọi là người Việt mà không thấy có gì vướng mắc. Với thế hệ thứ hai, khái niệm người Việt có lẽ vẫn còn chấp nhận được. Nhưng đến thế hệ thứ ba, thì việc sử dụng khái niệm này đã trở nên khiên cưỡng, nhất là với những trường hợp không mang quốc tịch Việt Nam, không biết tiếng Việt, không biết văn hóa Việt. Ấy là chưa nói tới những trường hợp người nước ngoài

(14) Xem: V.A. Lektorski. *Có thể hợp nhất khoa học về con người với các khoa học tự nhiên?* Tạp chí Thông tin khoa học xã hội, số 8, 2004.

sinh ra và lớn lên ở Việt Nam, nếu họ và con cháu họ am tường văn hóa Việt, thì việc gọi hoặc không gọi là người Việt đều có gì đó không thật ổn.

2. Vấn đề không phải là cách gọi hay cách sử dụng thuật ngữ “người Việt”, cũng không phải là đề ra một số tiêu chuẩn nào đó rồi căn cứ vào tiêu chuẩn ấy để xác định ai là người Việt, ai không. Theo chúng tôi, vấn đề là ở chỗ, cần phải có những nguyên tắc nhất định để lập ra các tiêu chí xác định người Việt, nghĩa là phải giải quyết ở tầm phương pháp luận.

VI. Phương pháp luận về tính cách dân tộc

1. Từ khá lâu rồi người ta vẫn thường bắt gặp các tác phẩm văn chương hoặc lý luận bàn về cái xấu của mỗi dân tộc. Về lĩnh vực này, văn học Tây Ban Nha và Trung Quốc đã có những tác phẩm đạt đến trình độ điển hình. Khoảng mười năm gần đây, khi Bá Dương, một tác giả Đài Loan viết *Người Trung Quốc xấu xí* bàn về cái xấu cố hữu của người Trung Hoa gây được tiếng tăm trên khắp thế giới(15), thì ở Việt Nam, một số tác giả cũng thấy cần phải nói đến cái xấu của người Việt. Các hội thảo khoa học và ngoài khoa học, các bài báo, các loại tản văn..., đặc biệt các tác phẩm Online về thói hư tật xấu của người Việt liên tục xuất hiện(16). Do trước đây người Việt rất ít nói đến cái xấu, những nét hạn chế trong tính cách của mình, thậm chí chủ yếu là tự khen mình, nên khi tiếp xúc với những bàn luận kiểu này, một số người đã tỏ thái độ phản đối. Điều thú vị là, lập luận về bất kỳ thói xấu nào của người Việt cũng dường như có thể phản bác được, đồng thời

cũng có thể tán đồng được. Điều đang gây tranh cãi là, có cần và có nên bàn luận về vấn đề này hay không? Phê phán những nét tiêu cực, những tính cách không đẹp của một cộng đồng hay của một dân tộc thì có phải là thiếu thiện chí đối với cộng đồng đó hay dân tộc đó hay không? Đã xuất hiện hai luồng ý kiến trái ngược nhau:

Những người phản bác cho rằng, dân tộc nào cũng có những nét tính cách không đẹp. Nhưng nói đến cái xấu của bất kỳ một dân tộc nào cũng cần phải nghiêm cẩn, thận trọng, không được đùa cợt. Hơn thế nữa, không phải ai cũng có quyền tự cho mình được bàn đến vấn đề này. Nhìn chung là không được phép bôi nhọ cả một dân tộc.

Ý kiến ngược lại thì thấy vấn đề lại không nghiêm trọng đến thế. Có thể từ trước đến nay, người Việt tự khen mình nhiều nên đã quá quen, đến nỗi bây giờ ai bàn đến cái xấu thì gần như người đó bị đặt vào vị trí của tiếng nói đối lập, bị coi là thiếu thiện chí. Trên thực tế, việc chỉ ra những điều cần khắc phục trong tính cách của cả một dân tộc luôn là điều tốt, có ý nghĩa tích cực cho sự tiến bộ. Vì vậy, nên và cần phải nói về cái xấu, về những nét tâm lý không đẹp của mỗi dân tộc. *Ai không biết cười nhạo mình, người đó chưa trưởng thành* (L.Tolstoy). Don Quixote của

(15) Xem: Bá Dương. *Người Trung Quốc xấu xí*. <http://www.vantuyen.net/index.php?view=story&subjectid=186>, 1998,

(16) Xem: Các bài viết của Vương Trí Nhàn trên *Chungta.com*; Phạm Minh Hạc (chủ biên). *Tâm lý người Việt Nam đi vào công nghiệp hoá, hiện đại hóa. Những điều cần khắc phục*. Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2004; *Tâm lý người Việt Nam nhìn từ nhiều góc độ*. Nxb TP. Hồ Chí Minh, 2000.

Cervantes, AQ của Lỗ Tấn... chẳng những không làm cho Tây Ban Nha, Trung Quốc xấu đi mà ngược lại, còn làm cho nền văn học của các nước này thêm giá trị hơn.

2. Vấn đề đã vượt ra ngoài những câu trả lời đúng sai cụ thể. Bởi trên thực tế đã xuất hiện những người say sưa nói về thói hư tật xấu của tâm lý dân tộc như một niềm đam mê. Nhưng cũng có những người luôn dị ứng với mọi bàn luận kiểu này, coi đó là sự xúc phạm, lo ngại người ngoài sẽ nghĩ xấu, nghĩ sai về dân tộc. Phần đông cho rằng, nếu nhận ra cái xấu của mình, người ta sẽ thấy xấu hổ rồi tìm cách từ bỏ nó để cái xấu bớt dần đi. Nhưng cũng có ý kiến không tin sẽ thay đổi được tính cách dân tộc, bởi đã là nét tính cách của một dân tộc hay của một cộng đồng thì xấu cũng không dễ bỏ, mà phải biết sử dụng nó như một vũ khí riêng trong giao tiếp, nhất là trong cạnh tranh kinh tế quốc tế.

Tất cả những điều vừa nói không đơn giản chỉ đòi hỏi câu trả lời theo một hướng phủ định hoặc khẳng định, mà đòi hỏi phải có nguyên tắc chung, quan điểm chung để giải đáp toàn bộ vấn đề. Có trường hợp thì phải trả lời phủ định nhưng cũng có trường hợp thì phải trả lời khác. Nguyên tắc chung và quan điểm chung cho điều đó chính là phương pháp luận mà giới lý luận cần phải xây dựng, giúp cho việc nghiên cứu vấn đề này ngày càng sâu sắc hơn, khoa học hơn.

VII. Kết luận

1. Phương pháp luận cho nhận thức và hoạt động thực tiễn với các phạm vi ứng dụng và trình độ khái quát rộng hẹp khác nhau là vấn đề luôn được quan tâm trong hầu hết các công trình, thậm chí trong

từng công đoạn nghiên cứu văn hóa và con người. Dù thừa nhận hay không thừa nhận, không có nghiên cứu nào lại thoát ly được các chỉ dẫn phương pháp luận. Nếu lảng tránh phương pháp luận, người ta sẽ phải đối đầu với nó dưới những hình thức kém sáng suốt hơn.

2. Việc định hướng phương pháp luận coi văn hóa là nhân tố bên trong, coi con người là trung tâm của sự phát triển là sản phẩm của thời đại ngày nay. Phải đến cuối thế kỷ XX, khi tăng trưởng kinh tế lộ ra không phải là “sự đảm bảo bằng vàng” cho sự phát triển, con người mới được nhìn nhận là nhân tố quyết định, văn hóa là nền tảng tinh thần của đời sống xã hội. Trong các quan hệ khác nhau, chúng là động lực thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội, là mục tiêu của sự phát triển xã hội. Phát triển con người, hạnh phúc của con người là mục đích tối cao của tiến bộ xã hội.

3. Mặc dù phương pháp luận về văn hóa và con người đã được tích lũy trong kho tàng tri thức nhân loại đến mức đồ sộ, nhưng trong sự tìm tòi khoa học, *phương pháp luận đã có gần như chưa bao giờ được coi là tuyệt đối đầy đủ, hoàn thiện hoặc vạn năng* đối với mọi quy trình nghiên cứu. Với nhiều đối tượng cụ thể, đặc biệt những đối tượng thuộc con người và văn hóa của thời đại ngày nay, việc nhận thức và hoạt động thực tiễn luôn đòi hỏi phải có phương pháp luận riêng, hợp lý hơn, sáng suốt hơn. Đó là đòi hỏi khách quan của sự phát triển tri thức và đời sống. Nghiên cứu phương pháp luận, trong đó có xây dựng những phương pháp luận mới, luôn là công việc hữu ích và hấp dẫn đối với bất kỳ ai quan tâm đến lĩnh vực này. □